tỉnh, thành phố có biện pháp củng cố, tăng cường lực lượng Quản lý thị trường về mọi mặt để đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Giao cho Cục Quản lý thị trường, Vụ Tổ chức - Cán bộ phối hợp với các Vụ, Cục thuộc Bộ và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện các quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định này; đặc biệt là Quy chế hoạt động, cơ cấu tổ chức của lực lượng Quản lý thị trường.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường, Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ, các Vụ trưởng và Thủ trưởng các cơ quan thuộc Bộ, Giám đốc Sở Thương mại (Sở Thương mại - Du lịch), Thủ trưởng cơ quan Quản lý thị trường địa phương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Thương mại

VŨ KHOAN

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH số 284/2000/QĐ-NHNN1 ngày 25/8/2000 về việc ban hành Quy chế Cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2000 và thay thế Quyết định số 324/1998/QĐ-NHNN1 ngày 30/9/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế Cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Điều 3. Các hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa giải ngân hoặc giải ngân chưa hết và các hợp đồng tín dụng đã cho vay còn dư nợ đến cuối ngày 14 tháng 9 năm 2000 thì tổ chức tín dụng và khách hàng tiếp tục thực hiện theo các điều khoản đã ký kết cho đến khi thu hết nợ hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Quy chế Cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, khách hàng vay vốn của tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

LÊ ĐỨC THÚY

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

QUY CHẾ Cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng

(ban hành kèm theo Quyết định số 284/2000/QĐ-NHNN1 ngày 25/8/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy chế này quy định về việc cho vay bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ của tổ chức tín dụng đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

1. Các tổ chức tín dụng được thành lập và thực hiện nghiệp vụ cho vay theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Khách hàng vay tại tổ chức tín dụng, bao gồm:

a) Các pháp nhân là: Doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức khác có đủ các điều kiện quy định tại Điều 94 của Bộ Luật Dân sự;

b) Cá nhân;

c) Hộ gia đình;

d) Tổ hợp tác;

đ) Doanh nghiệp tư nhân;

e) Công ty hợp danh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cho vay là một hình thức của cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng giao cho khách hàng sử dụng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích và thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

2. Thời hạn cho vay là một khoảng thời gian được tính từ khi khách hàng bắt đầu nhận tiền vay cho đến thời điểm trả hết nợ gốc và lãi tiền vay đã được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng.

3. Kỳ hạn trả nợ là các khoảng thời gian trong thời hạn cho vay đã được thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó khách hàng phải trả một phần hoặc toàn bộ tiền vay cho tổ chức tín dụng.

4. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về việc thay đổi các kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng tín dụng.

5. Gia hạn nợ vay là việc tổ chức tín dụng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian ngoài thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

6. Dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống là một tập hợp những đề xuất về nhu cầu vốn, cách thức sử dụng vốn, kết quả tương ứng thu được trong một khoảng thời gian xác định đối với hoạt động cụ thể để sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển hoặc phục vụ đời sống.

7. Hạn mức tín dụng là mức dư nợ vay tối đa được duy trì trong một thời hạn nhất định mà tổ chức tín dụng và khách hàng đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Điều 4. Thực hiện quy định về quản lý ngoại hối.

Trong khi cho vay bằng ngoại tệ, tổ chức tín

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

dụng và khách hàng phải thực hiện đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về quản lý ngoại hối.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Quyền tự chủ trong cho vay của tổ chức tín dụng.

Tổ chức tín dụng tự chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình. Không một tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào quyền tự chủ trong cho vay của tổ chức tín dụng.

Điều 6. Nguyên tắc vay vốn.

Khách hàng vay vốn của tổ chức tín dụng phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;

2. Phải hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;

3. Việc bảo đảm tiền vay phải thực hiện quy định của Chính phủ và của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 7. Điều kiện vay vốn.

Tổ chức tín dụng xem xét và quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau:

1. Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, cụ thể là:

a) Pháp nhân phải có năng lực pháp luật dân sự;

b) Cá nhân và chủ doanh nghiệp tư nhân phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự;

c) Đại diện của hộ gia đình phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự;

d) Đại diện của tổ hợp tác phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự;

đ) Thành viên hợp danh của Công ty hợp danh phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự;

2. Có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết;

3. Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp;

4. Có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khả thi, có hiệu quả hoặc có dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống khả thi kèm theo phương án trả nợ khả thi;

5. Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 8. Loại cho vay.

1. Cho vay ngắn hạn: Tổ chức tín dụng cho khách hàng vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống.

2. Cho vay trung hạn, dài hạn: Tổ chức tín dụng cho khách hàng vay vốn trung hạn, dài hạn nhằm thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống.

Điều 9. Đối tượng cho vay.

1. Tổ chức tín dụng cho vay các đối tượng:

a) Giá trị vật tư, hàng hóa, máy móc, thiết bị bao gồm cả thuế giá trị gia tăng nằm trong tổng giá trị lô hàng và các khoản chi phí để thực hiện các dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống;

b) Các nhu cầu tài chính của khách hàng sau đây:

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0966090902

- Số tiền thuế xuất khẩu, nhập khẩu khách hàng phải nộp để làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu mà giá trị lô hàng đó tổ chức tín dụng có tham gia cho vay;

- Số lãi tiền vay trả cho tổ chức tín dụng cho vay trong thời hạn thi công, chưa bàn giao và đưa tài sản cố định vào sử dụng đối với cho vay trung hạn, dài hạn để đầu tư tài sản cố định mà khoản trả lãi được tính trong giá trị tài sản cố định đó;

- Số tiền khách hàng vay để trả cho các khoản vay tài chính (bằng tiền) cho nước ngoài mà các khoản vay đó đã được tổ chức tín dụng trong nước bảo lãnh, nếu có đủ các điều kiện sau: Dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống sử dụng khoản vay trên đang được thực hiện có hiệu quả; khoản vay nằm trong hạn trả nợ; khách hàng đạt được điều kiện vay vốn thuận lợi hơn hoặc tiết kiệm chi phí so với vay vốn nước ngoài và có khả năng trả nợ;

- Các nhu cầu tài chính khác phục vụ cho quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và phục vụ đời sống theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Tổ chức tín dụng không được cho vay các đối tượng sau:

a) Số tiền thuế phải nộp trực tiếp cho ngân sách nhà nước; trừ số tiền thuế xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại đoạn 1 điểm b khoản 1 Điều này;

b) Số tiền để trả nợ gốc và lãi vay cho tổ chức tín dụng khác;

c) Số lãi tiền vay trả cho chính tổ chức tín dụng cho vay vốn; trừ trường hợp cho vay số lãi tiền vay theo quy định tại đoạn 2 điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 10. Thời hạn cho vay.

Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về thời hạn cho vay theo hai loại:

1. Cho vay ngắn hạn: Tối đa đến 12 tháng, được xác định phù hợp với chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng.

2. Cho vay trung hạn, dài hạn: Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với thời hạn thu hồi vốn của dự án đầu tư, khả năng trả nợ của khách hàng và tính chất nguồn vốn cho vay của tổ chức tín dụng:

a) Thời hạn cho vay trung hạn: Từ trên 12 tháng đến 60 tháng;

b) Thời hạn cho vay dài hạn: Từ trên 60 tháng trở lên nhưng không quá thời hạn hoạt động còn lại theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập đối với pháp nhân và không quá 15 năm đối với cho vay các dự án đầu tư phục vụ đời sống.

Điều 11. Lãi suất cho vay.

1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm công bố công khai các mức lãi suất cho vay cho khách hàng biết.

2. Lãi suất cho vay ưu đãi được áp dụng đối với các khách hàng được ưu đãi về lãi suất theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

3. Trường hợp khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, phải áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo mức quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng.

Điều 12. Mức cho vay.

1. Tổ chức tín dụng căn cứ vào nhu cầu vay vốn của khách hàng, quy định của Chính phủ tại

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0966090902

Nghị định số 178/1999/NĐ-CP về mức cho vay so với giá trị tài sản làm bảo đảm, khả năng hoàn trả nợ của khách hàng vay và khả năng nguồn vốn của mình để quyết định mức cho vay.

2. Tổng dư nợ cho vay đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng, trừ trường hợp đối với những khoản vay từ các nguồn vốn ủy thác của Chính phủ, của các tổ chức, cá nhân hoặc trường hợp khách hàng vay là tổ chức tín dụng.

3. Tổng dư nợ cho vay đối với các đối tượng quy định tại Điều 21 Quy chế này không được vượt quá 5% vốn tự có của tổ chức tín dụng.

Điều 13. Trả nợ gốc và lãi.

1. Căn cứ vào đặc điểm sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khả năng tài chính, thu nhập và nguồn trả nợ của khách hàng, tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về việc trả nợ gốc và lãi tiền vay như sau:

a) Các kỳ hạn trả nợ gốc;

b) Các kỳ hạn trả lãi tiền vay cùng với kỳ hạn trả nợ gốc hoặc theo kỳ hạn riêng;

c) Đồng tiền trả nợ và việc bảo toàn giá trị nợ gốc bằng các hình thức thích hợp, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Khi đến kỳ hạn trả nợ hoặc kết thúc thời hạn cho vay, nếu khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn và không được điều chỉnh kỳ hạn nợ hoặc không được gia hạn nợ, thì số nợ đến hạn không trả được bị chuyển sang nợ quá hạn và khách hàng phải chịu lãi suất nợ quá hạn đối với số tiền chậm trả.

3. Trường hợp khách hàng trả nợ trước hạn thì tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về số lãi tiền vay phải trả nhưng không vượt quá mức lãi đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Điều 14. Hồ sơ vay vốn.

1. Khi có nhu cầu vay vốn, khách hàng gửi cho tổ chức tín dụng các giấy tờ sau:

- Giấy đề nghị vay vốn. Giấy đề nghị vay vốn phải có các nội dung cơ bản như: tên, địa chỉ của khách hàng vay; số tiền cần vay; mục đích vay vốn, các cam kết về sử dụng tiền vay, trả nợ, trả lãi và các cam kết khác;

- Các tài liệu cần thiết chứng minh đủ điều kiện vay vốn như quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Khách hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và hợp pháp của các tài liệu gửi cho tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng quy định cụ thể các loại tài liệu khách hàng cần gửi phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng loại khách hàng, loại cho vay theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 15. Thẩm định và quyết định cho vay.

1. Tổ chức tín dụng xây dựng quy trình xét duyệt cho vay theo nguyên tắc bảo đảm tính độc lập và phân định rõ ràng trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới giữa khâu thẩm định và quyết định cho vay.

2. Tổ chức tín dụng kiểm tra các tài liệu khách hàng gửi đến, đồng thời tiến hành thẩm định tính khả thi, hiệu quả của dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống và khả năng hoàn trả nợ vay của khách hàng.

Trong trường hợp cần thiết hoặc pháp luật có quy định thì tổ chức tín dụng được thành lập hội đồng tín dụng hoặc thuê cơ quan tư vấn liên quan để thẩm định dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống của khách hàng.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

3. Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc đối với cho vay ngắn hạn và không quá 45 ngày làm việc đối với cho vay trung hạn, dài hạn kể từ khi tổ chức tín dụng nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn hợp lệ và thông tin cần thiết của khách hàng theo yêu cầu của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải quyết định và thông báo việc cho vay hoặc không cho vay đối với khách hàng. Trong trường hợp quyết định không cho vay, tổ chức tín dụng phải thông báo cho khách hàng bằng văn bản, trong đó nêu rõ căn cứ từ chối cho vay.

Điều 16. Phương thức cho vay.

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng của từng khoản vốn vay của khách hàng và khả năng kiểm tra, giám sát việc khách hàng sử dụng vốn vay của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng thỏa thuận với khách hàng vay về việc lựa chọn phương án cho vay theo một trong các phương thức cho vay sau đây:

1. Cho vay từng lần: Mỗi lần vay vốn khách hàng và tổ chức tín dụng làm thủ tục vay vốn cần thiết và ký kết hợp đồng tín dụng.

2. Cho vay theo hạn mức tín dụng: Tổ chức tín dụng và khách hàng xác định và thỏa thuận một hạn mức tín dụng duy trì trong thời hạn nhất định hoặc theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh.

3. Cho vay theo dự án đầu tư: Tổ chức tín dụng cho khách hàng vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các dự án đầu tư phục vụ đời sống.

4. Cho vay hợp vốn: Một nhóm tổ chức tín dụng cùng cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của khách hàng; trong đó, có một tổ chức tín dụng làm đầu mối dàn xếp, phối hợp với các tổ chức tín dụng khác. Việc cho vay hợp vốn thực hiện theo quy định của Quy chế này và quy chế đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành.

5. Cho vay trả góp: Khi vay vốn, tổ chức tín dụng và khách hàng xác định và thỏa thuận số lãi tiền vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kỳ hạn trong thời hạn cho vay.

6. Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng: Tổ chức tín dụng cam kết đảm bảo sẵn sàng cho khách hàng vay vốn trong phạm vi hạn mức tín dụng nhất định. Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng dự phòng, mức phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng.

7. Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng: Tổ chức tín dụng chấp thuận cho khách hàng được sử dụng số vốn vay trong phạm vi hạn mức tín dụng để thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ và rút tiền mặt tại máy rút tiền tự động hoặc điểm ứng tiền mặt là đại lý của tổ chức tín dụng. Khi cho vay phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, tổ chức tín dụng và khách hàng phải tuân theo các quy định của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

8. Các phương thức cho vay khác phù hợp với quy định của Quy chế này và các quy định khác của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 17. Cho vay bằng ngoại tệ.

1. Các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối được cho khách hàng là người cư trú vay bằng ngoại tệ theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về quản lý ngoại hối.

Khái niệm người cư trú được xác định theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối.

2. Hồ sơ vay vốn: ngoài những tài liệu quy định tại Điều 14 của Quy chế này, khách hàng

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

phải gửi cho tổ chức tín dụng: Giấy phép hoặc hạn ngạch nhập khẩu (nếu có); hợp đồng nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu và tài liệu khác liên quan đến sử dụng vốn vay.

3. Trả nợ gốc và lãi: Khoản cho vay bằng ngoại tệ nào thì phải trả nợ bằng ngoại tệ đó. Trường hợp trả nợ bằng ngoại tệ khác hoặc bằng Đồng Việt Nam được thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng và quy đổi theo tỷ giá hoặc căn cứ vào nguyên tắc xác định tỷ giá đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc diện tự cân đối ngoại tệ không được trả nợ vay ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam.

Điều 18. Hợp đồng tín dụng.

Sau khi quyết định cho vay, tổ chức tín dụng và khách hàng ký kết hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng phải có nội dung về điều kiện vay, mục đích sử dụng tiền vay, cách thức giải ngân và sử dụng vốn vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức và kỳ hạn trả nợ, hình thức bảo đảm tiền vay, giá trị tài sản bảo đảm, biện pháp xử lý tài sản bảo đảm, chuyển nhượng hoặc không chuyển nhượng hợp đồng tín dụng và những cam kết khác được các bên thỏa thuận.

Điều 19. Giới hạn cho vay.

1. Tổng dư nợ cho vay đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng, trừ trường hợp đối với những khoản cho vay từ các nguồn vốn ủy thác của Chính phủ, của các tổ chức và cá nhân. Trường hợp nhu cầu vốn của một khách hàng vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng hoặc khách hàng có nhu cầu huy động vốn từ nhiều nguồn thì các tổ chức tín dụng cho vay hợp vốn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong trường hợp đặc biệt, tổ chức tín dụng chỉ được cho vay vượt quá mức giới hạn cho vay quy định tại khoản 1 Điều này khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép đối với từng trường hợp cụ thể.

3. Việc xác định vốn tự có của các tổ chức tín dụng để làm căn cứ tính toán giới hạn cho vay quy định tại khoản 1 và 2 Điều này thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 20. Những trường hợp không được cho vay.

1. Tổ chức tín dụng không được cho vay đối với khách hàng trong các trường hợp sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của tổ chức tín dụng;

b) Người thẩm định, xét duyệt cho vay;

c) Bố, mẹ, vợ, chồng, con của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc).

2. Các quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các tổ chức tín dụng hợp tác.

Điều 21. Hạn chế cho vay.

Tổ chức tín dụng không được cho vay không có bảo đảm, cho vay với những điều kiện ưu đãi về lãi suất, mức cho vay đối với những đối tượng sau đây:

1. Tổ chức kiểm toán, Kiểm toán viên đang kiểm toán tại tổ chức tín dụng; Kế toán trưởng, Thanh tra viên;

2. Các cổ đông lớn của tổ chức tín dụng;

3. Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 77 của Luật Các tổ chức tín dụng sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

Điều 22. Kiểm tra, giám sát vốn vay.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

1. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng.

2. Tổ chức tín dụng tiến hành kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi cho vay phù hợp với đặc điểm hoạt động của tổ chức tín dụng và đặc điểm kinh doanh và sử dụng vốn vay của khách hàng.

Điều 23. Gia hạn nợ vay, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.

1. Khi đến hạn trả nợ nếu khách hàng không có khả năng trả nợ đầy đủ do nguyên nhân khách quan gây nên và có văn bản đề nghị gia hạn nợ thì tổ chức tín dụng xem xét cho gia hạn nợ theo quy định:

a) Thời hạn gia hạn nợ đối với cho vay ngắn hạn tối đa bằng một chu kỳ sản xuất, kinh doanh nhưng không quá 12 tháng; trừ trường hợp đặc biệt được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép hoặc giao cho tổ chức tín dụng xem xét, quyết định;

b) Thời hạn gia hạn nợ vay trung hạn, dài hạn tối đa bằng 1/2 thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng; trừ trường hợp đặc biệt được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép hoặc giao cho tổ chức tín dụng xem xét, quyết định;

c) Các khoản nợ đến hạn chưa trả được và nếu không được gia hạn nợ thì phải chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

2. Trường hợp khách hàng không trả nợ vay đúng kỳ hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng do nguyên nhân khách quan và có văn bản đề nghị thì tổ chức tín dụng xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Nếu không được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì tổ chức tín dụng chuyển số nợ đến hạn trả của kỳ hạn đó sang nợ quá hạn.

3. Việc đề nghị gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn nợ của khách hàng và việc giải quyết cho gia hạn nợ và điều chỉnh kỳ hạn nợ của tổ chức tín dụng phải được thực hiện trước khi đến hạn trả nợ và các bên có thể thỏa thuận bổ sung hợp đồng tín dụng theo thời hạn trả nợ mới.

4. Các khoản nợ được gia hạn nợ hoặc điều chỉnh kỳ hạn vẫn áp dụng lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng của nợ trong hạn cho đến hết thời hạn được gia hạn hoặc được điều chỉnh kỳ hạn.

Điều 24. Miễn, giảm lãi tiền vay.

Tổ chức tín dụng được quyết định miễn, giảm lãi tiền vay phải trả đối với khách hàng theo các nguyên tắc sau đây:

1. Khách hàng bị tổn thất về tài sản có liên quan đến vốn vay do nguyên nhân khách quan, dẫn đến bị khó khăn về tài chính;

2. Mức độ miễn, giảm lãi tiền vay phù hợp với khả năng tài chính của tổ chức tín dụng;

3. Tổ chức tín dụng không được miễn, giảm lãi cho vay đối với khách hàng thuộc các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Các tổ chức tín dụng;

4. Các tổ chức tín dụng phải ban hành quy chế miễn, giảm lãi vay đối với khách hàng được Hội đồng quản trị phê duyệt. Việc miễn, giảm lãi tiền vay đối với khách hàng chỉ được thực hiện khi có Quy chế miễn, giảm lãi cho vay của tổ chức tín dụng.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng.

1. Khách hàng vay có quyền:

a) Từ chối các yêu cầu của tổ chức tín dụng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

b) Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng tín dụng theo quy định của pháp luật;

2. Khách hàng vay có nghĩa vụ:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;

b) Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;

c) Trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thỏa thuận về việc trả nợ vay và thực hiện các nghĩa vụ bảo đảm nợ vay đã cam kết trong hợp đồng tín dụng.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng.

1. Tổ chức tín dụng có quyền:

a) Yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống khả thi, khả năng tài chính của mình và của người bảo lãnh trước khi quyết định cho vay;

b) Từ chối yêu cầu vay vốn của khách hàng nếu thấy không đủ điều kiện vay vốn, dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn không có hiệu quả, không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc tổ chức tín dụng không có đủ nguồn vốn để cho vay;

c) Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng;

d) Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng;

đ) Khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng hoặc người bảo lãnh theo quy định của pháp luật;

e) Khi đến thời hạn trả nợ mà khách hàng không trả nợ, nếu các bên không có thỏa thuận khác, thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay theo sự thỏa thuận trong hợp đồng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với trường hợp khách hàng được bảo lãnh vay vốn;

g) Miễn, giảm lãi tiền vay, gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn nợ thực hiện theo quy định tại Quy chế này; mua bán nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và thực hiện việc đảo nợ, khoanh nợ, xóa nợ theo quy định của Chính phủ.

2. Tổ chức tín dụng có nghĩa vụ:

a) Thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;

b) Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 27. Cho vay ưu đãi và cho vay đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch Nhà nước.

1. Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay đối với khách hàng thuộc đối tượng được hưởng chính sách tín dụng ưu đãi theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

2. Tổ chức tín dụng nhà nước cho vay đầu tư xây dựng theo kế hoạch Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư xây dựng theo kế hoạch Nhà nước hàng năm.

3. Tổ chức tín dụng nhà nước được Chính phủ chỉ định cho vay đối với khách hàng thuộc đối tượng ưu đãi, cho vay đầu tư xây dựng theo kế hoạch Nhà nước, nếu có phát sinh chênh lệch lãi suất và tổn thất các khoản cho vay do nguyên

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

nhân khách quan thì việc xử lý thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và các Bộ, ngành liên quan.

4. Trước khi cho vay ưu đãi và cho vay đầu tư xây dựng theo kế hoạch Nhà nước, tổ chức tín dụng tiến hành thẩm định hiệu quả của dự án hoặc phương án vay vốn, nếu xét thấy không có hiệu quả, không có khả năng hoàn trả nợ vay cả gốc và lãi thì báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nếu xét thấy cần thiết phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 28. Cho vay theo ủy thác.

1. Tổ chức tín dụng cho vay theo ủy thác của Chính phủ, của tổ chức, cá nhân ở trong nước và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác cho vay đã ký kết với cơ quan đại diện của Chính phủ hoặc tổ chức, cá nhân ở trong nước và ngoài nước. Việc cho vay ủy thác phải phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về tín dụng ngân hàng và hợp đồng ủy thác.

2. Tổ chức tín dụng cho vay theo ủy thác được hưởng phí ủy thác và các khoản hưởng lợi khác đã thỏa thuận trong hợp đồng nhận ủy thác cho vay phù hợp với quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế, đảm bảo bù đắp đủ chi phí, rủi ro và có lãi.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Tổ chức tín dụng và khách hàng vay vốn có trách nhiệm thi hành Quy chế này. Căn cứ Quy chế này và các quy định của văn bản pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể phù hợp với điều kiện, đặc điểm và điều lệ của mình.

Điều 30. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quy chế này, thì tùy tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

LÊ ĐỨC THÚY

TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

THÔNG TƯ số 05/2000/TT-TCBĐ ngày 11/9/2000 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2000/TT-TCBĐ ngày 26/7/2000 về việc ghi nhãn hàng hóa đối với thiết bị viễn thông đầu cuối thuê bao sản xuất trong nước và nhập khẩu.

Tổng cục Bưu điện đã ban hành Thông tư số 03/2000/TT-TCBĐ ngày 26/7/2000 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ghi nhãn hàng hóa đối với thiết bị viễn thông đầu cuối thuê bao sản xuất trong nước và nhập khẩu.

Ngày 15 tháng 8 năm 2000 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 95/2000/QĐ-TTg về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Quy chế Ghi nhãn hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Để phù hợp với những quy định mới của Quyết định số 95/2000/QĐ-TTg, Tổng cục Bưu điện hướng dẫn một số sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2000/TT-TCBĐ ngày 26/7/2000 của Tổng cục Bưu điện như sau:

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com